

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 09 ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2021
Ông Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 04 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2019
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0322/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

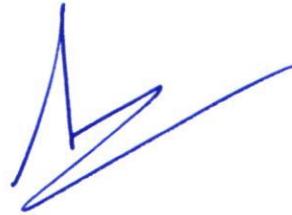
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

02-C
H
Y
U HA
U V
...
01
P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		639.138.441.026	487.339.417.732
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	142.924.856.999	36.502.932.080
1. Tiền	111		135.424.856.999	24.002.932.080
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	12.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		445.886.886.710	401.299.609.101
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	413.917.490.280	389.235.330.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17.818.726.856	5.680.639.685
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	31.989.181.621	18.921.469.256
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(17.838.512.047)	(12.537.830.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		43.757.372.252	46.229.740.358
1. Hàng tồn kho	141	V.7	43.757.372.252	46.229.740.358
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.569.325.065	3.307.136.193
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.042.709.477	3.195.455.026
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.526.615.588	111.681.167
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.110.498.111.343	1.030.656.254.140
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.340.000.000	3.331.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	3.100.000.000	3.100.000.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	240.000.000	231.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		623.552.303.352	674.489.739.198
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	623.191.183.364	673.566.518.235
<i>Nguyên giá</i>	222		1.893.686.811.087	1.931.273.301.047
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.270.495.627.723)	(1.257.706.782.812)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	361.119.988	923.220.963
<i>Nguyên giá</i>	225		975.999.999	1.762.216.362
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(614.880.011)	(838.995.399)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		448.600.000	448.600.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(448.600.000)	(448.600.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		166.514.096.758	4.642.983.158
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	166.514.096.758	4.642.983.158
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	288.546.770.000	301.473.200.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		145.022.400.000	145.022.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		143.524.370.000	156.450.800.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.544.941.233	46.719.331.784
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	28.544.941.233	46.719.331.784
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.749.636.552.369	1.517.995.671.872

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.038.221.008.371	853.756.365.111
I. Nợ ngắn hạn	310		508.349.958.231	418.549.309.800
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	181.556.278.547	126.532.434.852
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.636.918.335	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.484.126.533	11.121.184.717
4. Phải trả người lao động	314		15.140.693.738	4.372.944.350
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	56.401.752.261	44.316.718.697
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	14.964.126.551	30.199.940.377
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	218.591.352.156	197.245.332.034
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	14.574.710.110	4.760.754.773
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		529.871.050.140	435.207.055.311
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	23.700.000	23.700.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	529.847.350.140	435.183.355.311
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		711.415.543.998	664.239.306.761
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	711.415.543.998	664.239.306.761
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		267.981.250.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		267.981.250.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		239.272.619.854	203.020.614.134
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.872.565.779	26.872.565.779
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		177.289.108.365	169.346.126.848
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		55.830.718.555	169.346.126.848
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		121.458.389.810	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.749.636.552.369	1.517.995.671.872

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.107.564.405.019	980.809.742.971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.107.564.405.019	980.809.742.971
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	893.004.972.801	752.660.875.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		214.559.432.218	228.148.867.355
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.495.311.006	15.206.047.981
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	55.549.973.714	62.689.139.586
Trong đó: chi phí lãi vay	23		54.181.839.807	62.213.524.325
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.871.596.467	2.787.004.783
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	58.548.565.090	50.023.708.366
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		111.084.607.953	127.855.062.601
11. Thu nhập khác	31	VI.7	31.735.481.016	4.505.423.708
12. Chi phí khác	32	VI.8	570.329.614	1.014.736.504
13. Lợi nhuận khác	40		31.165.151.402	3.490.687.204
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		142.249.759.355	131.345.749.805
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	7.295.992.899	10.505.730.737
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>134.953.766.456</u>	<u>120.840.019.068</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		142.249.759.355	131.345.749.805
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-11	159.304.210.599	180.851.923.928
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	5.300.681.808	9.328.551.595
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	264.503.510	21.865.571
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(41.488.262.123)	(13.891.331.048)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	54.181.839.807	62.213.524.325
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		319.812.732.956	369.870.284.176
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(59.178.379.705)	(30.615.425.331)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.472.368.106	15.940.500.627
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		85.190.835.631	(113.738.654.114)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.606.907.416	(10.045.637.428)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(49.991.373.493)	(70.801.301.846)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(16.261.053.682)	(5.990.380.361)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.7	(19.994.823.882)	(15.983.286.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		275.657.213.347	138.636.098.779
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(319.521.868.200)	(16.192.069.722)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		79.650.963.170	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(22.275.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2	40.846.428.462	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.853.169.395	16.466.477.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(205.446.307.173)	274.407.518

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.981.250.000		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	485.431.758.521		318.092.508.517	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(369.163.113.151)		(383.607.305.928)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.16	(258.630.419)		(395.196.072)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(82.453.160.000)		(69.937.825.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.538.104.951		(135.847.818.483)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		106.749.011.125		3.062.687.814	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	36.502.932.080		33.444.057.746	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(327.086.206)		(3.813.480)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.11	142.924.856.999		36.502.932.080	

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Số 39 đường Trần Hưng Đạo, khu phố Kiên Tân, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	31,00%	31,00%	31,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	45,00%	45,00%	45,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là lĩnh vực cho thuê tài sản, vận tải, dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí... không chịu tác động đáng kể của dịch Covid-19. Nhìn chung, năm 2021 Công ty vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, hoàn thành vượt so với kế hoạch được giao. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 380 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 333 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa tài sản; chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ; chi phí duy tu cảng, đường bãi container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn, Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải, truyền dẫn có số năm khấu hao là 5 - 6 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.070.875.495	30.074.368
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	134.353.981.504	23.972.857.712
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ^(*)	7.500.000.000	12.500.000.000
Cộng	<u>142.924.856.999</u>	<u>36.502.932.080</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền 3.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18a).

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	<u>145.022.400.000</u>	-	<u>145.022.400.000</u>	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	51.000.000.000	-	51.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	64.022.400.000	-	64.022.400.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	<u>143.524.370.000</u>	-	<u>156.450.800.000</u>	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱ⁾	121.249.370.000	-	156.450.800.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry) ⁽ⁱⁱ⁾	22.275.000.000	-	-	-
Cộng	<u>288.546.770.000</u>	-	<u>301.473.200.000</u>	-

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Số lượng cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	5.100.000	51,00%	5.100.000	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	3.000.000	60,00%	3.000.000	60,00%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	6.402.240	54,00%	6.402.240	54,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270	31,00%	5.046.800	40,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	2.025.000	45,00%	-	-

(i) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 1.135.530 cổ phần Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, giá trị ghi sổ 35.201.430.000 VND (31.000 VND/cổ phần) cho Công ty PSA Vietnam Pte Ltd, Singapore với giá bán 40.966.428.462 VND, chi phí thanh lý 120.000.000 VND, lãi chuyển nhượng 5.644.998.462 VND.

(ii) Trong năm, Công ty đã mua 2.025.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry) từ các cổ đông sáng lập (Công ty TNHH MTV Dịch vụ thương mại Huỳnh Thy và Công ty TNHH L&D Auto) với giá mua 11.000 VND/cổ phần, tổng giá trị nhận chuyển nhượng 22.275.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các Công ty khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng		
Công ty con cho thuê tài sản	32.060.000.000	27.060.000.000
Công ty con cung cấp dịch vụ	3.400.958.979	8.681.100.569
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty con	20.540.331.009	6.977.565.876
Bán tài sản cho Công ty con	350.000.000	-
Công ty con chia cổ tức	-	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang		
Lãi vay phải trả công ty con	2.960.113.099	2.964.829.413
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc		
Doanh thu cho công ty con thuê tàu	44.001.659.351	34.728.785.562
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho công ty con	-	6.963.576.202
Công ty con cung cấp dịch vụ	5.130.698.090	1.806.204.226
Công ty con chia cổ tức	-	5.762.016.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)		
Doanh thu phí vận chuyển	1.400.000.000	-
Doanh thu cho thuê phương tiện	12.557.500.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ		
Công ty liên kết chia cổ tức	8.196.509.022	-

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	177.114.086.916	125.870.807.427
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	128.018.284.194	77.804.773.327
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	20.612.536.722	12.278.433.947
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	2.047.800.000	312.100.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	9.935.466.000	17.573.561.893
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	-	821.463.500
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	-	488.074.760
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	-	92.400.000
Phải thu các khách hàng khác	236.743.855.829	263.364.522.972
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	53.242.391.104	39.832.688.394
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)	9.607.374.852	21.165.016.795
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	4.499.943.685	70.902.965.492
Aussie Offshore Services Limited	29.300.259.651	-
Jungwon Maritime Pte. Ltd	20.967.616.708	21.333.438.645
Zhoushan Hongjie Ocean Engineering Co., Ltd,	-	28.963.169.430
Các khách hàng khác	119.185.817.364	81.167.244.216
Cộng	413.917.490.280	389.235.330.399

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng (công ty con) về phí cung cấp dịch vụ kéo tàu, thời hạn thanh toán khoản nợ trong quý I năm 2023.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	500.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	17.318.726.856	5.680.639.685
Haridass Ho & Partners	11.647.725.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Cao su 75	2.138.400.000	-
Công ty Cổ phần Long SBS Việt Nam	1.243.352.550	-
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	-	3.967.181.680
Các nhà cung cấp khác	2.289.249.306	1.713.458.005
Cộng	17.818.726.856	5.680.639.685

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	6.091.389.615	-	14.686.319.699	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc - Cổ tức được chia	5.762.016.000	-	5.762.016.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	89.373.615	-	8.924.303.699	-
<i>Cổ tức được chia</i>	-	-	7.650.000.000	-
<i>Phải thu khác</i>	89.373.615	-	1.274.303.699	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng (*)	240.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	25.897.792.006	-	4.235.149.557	-
Dự thu lãi tiền gửi	8.417.435	-	15.077.808	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Ký quỹ mở L/C	19.383.061.236	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.405.174.900	-	655.517.300	-
Tạm ứng	4.428.958.290	-	3.063.742.870	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	672.180.145	-	500.811.579	-
Cộng	31.989.181.621	-	18.921.469.256	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	240.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng (*)	240.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-	231.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	231.000.000	-
Cộng	240.000.000	-	231.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Khoản cho Ông Dũng - Phó Tổng Giám đốc vay tiền mua tài sản theo Hợp đồng số 001/2021/HĐVT-TCO ngày 26/11/2021, số tiền 480.000.000 VND, lãi suất 0%, mỗi tháng thu hồi 20.000.000 VND bằng cách trừ vào lương, thời hạn thu hồi đến hết ngày 25/11/2023.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	> 3 năm	6.418.557.288	(5.627.143.844)	> 3 năm	4.381.490.718	(4.381.490.718)
				Từ 2 - < 3 năm	2.037.066.570	(1.425.946.599)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải	Từ 2 - < 3 năm	700.000.000	(490.000.000)	Từ 1 - < 2 năm	700.000.000	(350.000.000)
Jungwon Maritime Pte. Ltd	Từ 1 - < 2 năm	21.267.976.405	(10.633.988.203)	Từ 6 T - < 1 năm	21.267.976.405	(6.380.392.922)
Công ty TNHH Vận tải Xăng dầu Nam Phát Đạt	Từ 2 - < 3 năm	1.553.400.000	(1.087.380.000)		-	-
Cộng		29.939.933.693	(17.838.512.047)		28.386.533.693	(12.537.830.239)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.537.830.239	3.209.278.644
Trích lập dự phòng bổ sung	5.300.681.808	9.328.551.595
Số cuối năm	17.838.512.047	12.537.830.239

7. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ cho thuê tàu vận tải, vận chuyển ngoài khơi.

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	4.740.681.659	3.195.455.026
Chi phí kiểm tra, giám định tàu	129.492.085	-
Chi phí đăng kiểm	164.906.133	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.629.600	-
Cộng	5.042.709.477	3.195.455.026

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.015.210.786	5.149.464.231
Chi phí sửa chữa tàu, bảo dưỡng tàu	13.973.711.108	27.345.144.949
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	10.194.523.391	10.710.173.572
Chi phí sửa chữa văn phòng	979.487.221	1.718.100.336
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.382.008.727	1.796.448.696
Cộng	28.544.941.233	46.719.331.784

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.762.216.362	(838.995.399)	923.220.963
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(786.216.363)	463.430.866	(322.785.497)
Khấu hao trong năm	-	(239.315.478)	(239.315.478)
Số cuối năm	975.999.999	(614.880.011)	361.119.988

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	320.308.084.563	(158.436.970.963)	161.871.113.600
Mua sắm tàu Tân Cảng Eagle	-	62.495.588.471	(62.495.588.471)	-
Mua sắm tàu Tân Cảng Dolphin	-	95.153.966.129	(95.153.966.129)	-
Mua sắm tàu Nha Trang	-	161.871.113.600	-	161.871.113.600
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	4.642.983.158	-	-	4.642.983.158
Dự án 52 - 58 Trần Phú Nha Trang	542.740.734	-	-	542.740.734
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	-	3.013.636.364
Dự án khác	1.086.606.060	-	-	1.086.606.060
Cộng	4.642.983.158	319.520.668.200	(157.649.554.600)	166.514.096.758

Tại ngày 31/12/2021, các tài sản đem thế chấp ở ngân hàng là tài sản hình thành từ vốn vay trị giá: 161.871.113.600 VND.

(*) Các công trình xây dựng cơ bản dở dang trong năm không thực hiện thêm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, sẽ được tiếp tục khi tình hình khả quan hơn.

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	42.091.920.538	22.588.888.740
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	5.030.632.707	624.348.648
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.671.427.034	2.291.578.753
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	14.180.818.000	8.098.002.300
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	9.141.000.000	4.851.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng.	875.142.950	-
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	6.966.639.220	3.943.571.340
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	747.215.000	193.470.000
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	3.479.045.627	2.584.698.339
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	-	2.219.360
Phải trả các nhà cung cấp khác	139.464.358.009	103.943.546.112
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	20.944.397.083	7.217.756.244
Các nhà cung cấp khác	118.519.960.926	96.725.789.868
Cộng	181.556.278.547	126.532.434.852

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	599.650.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	599.650.000	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	4.037.268.335	-
Nanjing Tianchen Shipping Engineering Co., Ltd.,	1.869.450.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Sơn Hà	1.925.000.000	-
Các khác hàng khác	242.818.335	-
Cộng	4.636.918.335	-

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	12.589.474.579	(12.589.474.579)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	22.187.237.128	(22.187.237.128)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.051.961.537	(1.051.961.537)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.182.316.300	7.295.992.899	(16.261.053.682)	1.217.255.517
Thuế thu nhập cá nhân	395.014.040	7.828.772.325	(7.161.491.632)	1.062.294.733
Thuế môi trường	-	497.146.000	(497.146.000)	-
Thuế nhà thầu	543.854.377	991.362.566	(1.330.640.660)	204.576.283
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	11.121.184.717	52.445.947.034	(61.083.005.218)	2.484.126.533

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2028.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	142.249.759.355	131.345.749.805
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	3.645.533.992	1.905.810.214
Các khoản điều chỉnh tăng	3.707.316.451	1.956.738.563
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>3.170.404.751</i>	<i>1.894.956.104</i>
<i>CLTG chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	<i>536.911.700</i>	<i>61.782.459</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	(61.782.459)	(50.928.349)
<i>Lỗ CLTG đánh giá lại tiền và các khoản phải thu cuối năm trước đã thực hiện năm nay</i>	<i>(61.782.459)</i>	<i>(50.928.349)</i>
Thu nhập chịu thuế	145.895.293.347	133.251.560.019
Thu nhập miễn thuế (cổ tức được chia)	(8.196.509.022)	(12.771.792.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập tính thuế	137.698.784.325	120.479.768.019
Trong đó:		
<i>Thu nhập từ hoạt động khai thác cảng biển</i>	<i>137.698.784.325</i>	<i>92.757.582.027</i>
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	<i>-</i>	<i>27.722.185.992</i>
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khai thác cảng	10%	10%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	27.539.756.865	24.095.953.604
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(13.769.878.432)	(9.275.758.203)
Thuế TNDN được miễn, giảm (50%)	(6.884.939.216)	(4.637.879.101)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	411.053.682	323.414.437
Thuế TNDN phải nộp	7.295.992.899	10.505.730.737

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	13.392.966.497	11.505.748.913
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	8.940.632.000	8.940.632.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang – Lãi vay phải trả	4.452.334.497	2.565.116.913
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	43.008.785.764	32.810.969.784
Lãi vay phải trả	19.456.641.678	17.153.392.948
Chi phí thuê tàu phải trả	10.039.595.344	10.172.540.011
Chi phí nhiên liệu phải trả	12.109.176.401	852.327.128
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.403.372.341	4.632.709.697
Cộng	56.401.752.261	44.316.718.697

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	289.471.641	24.319.212.754
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	284.471.601	21.654.608.072
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>-</i>	<i>21.503.160.000</i>
<i>Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả</i>	<i>284.471.601</i>	<i>151.448.072</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng – Tiền chi hộ	5.000.000	5.000.000
Kinh phí hoạt động HDQT, BKS	-	2.659.604.642

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	14.674.654.910	5.880.727.623
Kinh phí công đoàn	239.239.151	160.215.313
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	2.318.370
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.794.200.000	5.565.699.000
Thuế GTGT đầu ra chưa kê khai	10.572.544.019	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	68.671.780	152.494.980
Cộng	14.964.126.551	30.199.940.377

17b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	131.030.332.656	126.936.301.614
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	45.392.697.081	30.631.735.400
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	51.546.252.749	36.025.417.685
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	34.091.382.826	60.279.148.529
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	87.386.534.188	70.050.400.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú	13.000.400.000	19.370.400.000
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	8.905.400.000	15.400.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	30.200.734.188	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	35.280.000.000	35.280.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	174.485.312	258.630.420
Cộng	218.591.352.156	197.245.332.034

Thông tin bổ sung về các khoản vay ngắn hạn:

<u>Ngân hàng/Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ngày 16/11/2020	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50.000.000.000 VND	12 tháng	4,9% đến 6%/năm	Cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng giá trị 3.500.000.000 VND/ Thẻ chấp hai Cầu RTG 6+1/ Các khoản thu nhập từ hợp đồng với Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng số 54486.19.151.1131175.TD ngày 12/12/2019	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,8% đến 8,7%/năm	03 cầu bờ container hiệu Kocks, Tàu Tan Cang 66, Tàu TC Royal
Hợp đồng tín dụng ngày 09/11/2021	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,8% đến 8,7%/năm	03 cầu bờ container hiệu Kocks, Tàu Tan Cang 66, Tàu TC Royal

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Ngân hàng/Hợp đồng vay</i>	<i>Mục đích vay/Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa				
Hợp đồng tín dụng số 01/2020/12827294/HĐTD ngày 30/09/2020	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,4% đến 6,5%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks
Hợp đồng tín dụng ngày 31/12/2021	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,4% đến 6,5%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	126.936.301.614	255.343.619.193	-	(251.249.588.151)	131.030.332.656
Vay dài hạn đến hạn trả	70.050.400.000	-	87.386.534.188	(70.050.400.000)	87.386.534.188
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	258.630.420	-	174.485.311	(258.630.419)	174.485.312
Cộng	197.245.332.034	255.343.619.193	87.561.019.499	(321.558.618.570)	218.591.352.156

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan	87.494.545.000	87.494.545.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	36.494.545.000	36.494.545.000
Các cá nhân bên liên quan khác	51.000.000.000	51.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	346.252.805.140	220.834.900.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	16.250.500.000	35.620.900.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	148.899.405.140	-
Ngân hàng liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu	31.168.900.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	149.934.000.000	185.214.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	96.100.000.000	126.679.425.000
Nợ thuê tài chính	-	174.485.311
Cộng	529.847.350.140	435.183.355.311
<i>Trong đó:</i>		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn các tổ chức ⁽ⁱ⁾	382.747.350.140	257.329.445.000
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	147.100.000.000	177.679.425.000
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱ⁾	-	174.485.311
Cộng	529.847.350.140	435.183.355.311

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Thông tin bổ sung về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của các tổ chức:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang				
Hợp đồng tín dụng ký năm 2020	Bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh	05 năm	8%/năm	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng ngày 28/11/2017	Đầu tư tàu Olympic Progress/ Hạn mức vay tương đương 1.400.000 USD	05 năm	8,1% đến 9,6%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2019	Đầu tư tàu Armada Tuah 304/ Hạn mức vay tương đương 3.200.000 USD	05 năm	8,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin/ Hạn mức vay: 65.000.000.000 VND	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (tt)				
Hợp đồng ngày 8/11/2021	Đầu tư tàu nạo vét xén thổi 650/ Hạn mức vay: 129.920.000.000 VND	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu				
Hợp đồng ngày 04/5/2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Hợp đồng ngày 12/6/2018	Đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer/ Hạn mức vay: 317.514.000.000 VND	106 tháng	8,1%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh				
Các hợp đồng ký kết năm 2018	Đầu tư các phương tiện vận tải (xe ô tô)	03 đến 04 năm	7,8% đến 9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

(ii) Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV và đầu tư vào dự án Cầu Kocks (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm và 8 năm). Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư tàu TC 89 và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	115.300.000.000	142.420.000.000
Bên liên quan	50.000.000.000	50.000.000.000
Các cá nhân khác	65.300.000.000	92.420.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Cán bộ nhân viên Công ty	200.000.000	200.000.000
Các cá nhân khác	30.600.000.000	30.600.000.000
Đầu tư tàu TC 69 (lãi suất 18%/năm)	-	3.459.425.000
Các cá nhân khác	-	3.459.425.000
Cộng	147.100.000.000	177.679.425.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn bên liên quan	87.494.545.000	-	87.494.545.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	433.639.339.328	87.386.534.188	302.881.336.752	43.371.468.388
Vay dài hạn các cá nhân khác	96.100.000.000	-	96.100.000.000	-
Nợ thuê tài chính	174.485.311	174.485.311	-	-
Cộng	617.408.369.639	87.561.019.499	486.475.881.752	43.371.468.388
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	87.494.545.000	-	87.494.545.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	290.885.300.000	70.050.400.000	176.740.900.000	44.094.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác	126.679.425.000	-	126.679.425.000	-
Nợ thuê tài chính	433.115.731	258.630.420	174.485.311	-
Cộng	505.492.385.731	197.245.332.034	391.089.355.311	44.094.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay dài hạn bên liên quan	87.494.545.000	-	-	-	87.494.545.000
Vay dài hạn ngân hàng	220.834.900.000	230.088.139.328	(17.283.700.000)	(87.386.534.188)	346.252.805.140
Vay dài hạn các cá nhân khác	126.679.425.000	-	(30.579.425.000)	-	96.100.000.000
Nợ thuê tài chính	174.485.311	-	-	(174.485.311)	-
Cộng	435.183.355.311	230.088.139.328	(47.863.125.000)	(87.561.019.499)	529.847.350.140

18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Điều chuyển quỹ	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	783.764.808	12.789.689.276	745.705.000	(12.379.647.601)	1.939.511.483
Quỹ phúc lợi	1.801.281.854	12.789.689.276	(745.705.000)	(4.759.277.807)	9.085.988.323
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.175.708.111	4.229.400.667	-	(2.855.898.474)	3.549.210.304
Cộng	4.760.754.773	29.808.779.219	-	(19.994.823.882)	14.574.710.110

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Năm trước					
Số dư đầu năm	265.000.000.000	167.248.479.713	161.325.702.691	26.872.565.779	620.446.748.183
Lợi nhuận trong năm	-	-	120.840.019.068	-	120.840.019.068
Trích quỹ KTPL, quỹ ĐDH	-	35.772.134.421	(51.869.594.911)	-	(16.097.460.490)
Chia cổ tức	-	-	(60.950.000.000)	-	(60.950.000.000)
Số dư cuối năm	265.000.000.000	203.020.614.134	169.346.126.848	26.872.565.779	664.239.306.761

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
<i>Năm nay</i>					
Số dư đầu năm	265.000.000.000	203.020.614.134	169.346.126.848	26.872.565.779	664.239.306.761
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	2.981.250.000	-	-	-	2.981.250.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	36.252.005.720	(52.565.408.293)	-	(16.313.402.573)
Chia cổ tức	-	-	(60.950.000.000)	-	(60.950.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	134.953.766.456	-	134.953.766.456
Trích quỹ KTPL năm nay	-	-	(13.495.376.646)	-	(13.495.376.646)
Số dư cuối năm	267.981.250.000	239.272.619.854	177.289.108.365	26.872.565.779	711.415.543.998

(*) Phát hành 298.125 cổ phiếu theo hình thức chào bán riêng lẻ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn để bổ sung để mua nhiên liệu dầu DO 0.05% S-II cho các tàu.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	96.473.250.000	93.492.000.000
Các cổ đông khác	171.508.000.000	171.508.000.000
Cộng	267.981.250.000	265.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	26.798.125	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.798.125	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.798.125	26.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021:

Phân phối lợi nhuận năm 2020

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 60.950.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	: 36.252.005.720
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST)	: 6.042.000.953
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST)	: 6.042.000.953
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	: 2.416.800.381
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (1% LNST)	: 1.812.600.286

Tạm phân phối lợi nhuận năm 2021

	VND
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST)	: 6.747.688.323
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST)	: 6.747.688.323

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20e. Kế hoạch tăng vốn

Thực hiện Tờ trình số 05B/2021/TTr ngày 6/4/2021 đã được phê duyệt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐQT ngày 03/12/2021 và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 24/01/2021 về triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 15,679735% (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được nhận 15,679735 cổ phần mới). Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 4.201.875 cổ phiếu với tổng giá trị 42.018.750.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến tối đa sau khi phát hành là 310.000.000.000 VND. Thời gian dự kiến phát hành là quý I/2022, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 3.861.592,8USD (số đầu năm là 74.705,66 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	749.726.213.649	582.128.082.279
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	345.639.902.245	337.205.840.239
Doanh thu bán tàu, sà lan	-	49.560.407.273
Doanh thu dịch vụ khác	12.198.289.125	11.915.413.180
Cộng	1.107.564.405.019	980.809.742.971

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phí cho dịch vụ cho thuê tài sản tại Cảng	282.061.411.678	196.974.718.043
Phí dịch vụ khác	9.606.289.125	13.422.578.901
Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản cho các đơn vị:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	9.218.500.000	746.785.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	-	706.431.600
Công ty TNHH MTV 128	-	3.816.722.727
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	1.577.909.091	283.727.273
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	110.000.000	84.000.000

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ ngoài khơi	769.610.874.246	509.168.102.656
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	111.279.809.430	198.314.855.471
Giá vốn bán tàu, sà lan	-	34.923.633.133
Giá vốn dịch vụ khác	12.114.289.125	10.254.284.356
Cộng	893.004.972.801	752.660.875.616

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNGĐịa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền	331.710.057	1.177.424.638
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.196.509.022	12.771.792.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.322.093.465	1.256.831.343
Lãi chuyển nhượng cổ phần tại công ty liên kết	5.644.998.462	-
Cộng	<u>18.495.311.006</u>	<u>15.206.047.981</u>
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	54.181.839.807	62.213.524.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.103.630.397	453.749.690
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	264.503.510	21.865.571
Cộng	<u>55.549.973.714</u>	<u>62.689.139.586</u>
5. Chi phí bán hàng		
Là chi phí hoa hồng.		
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	33.510.527.254	25.600.089.957
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	622.491.609	736.734.827
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.274.743.728	774.193.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.102.772.272	1.282.757.942
Thuế, phí và lệ phí	95.057.100	128.155.436
Dự phòng phải thu khó đòi	5.300.681.808	9.328.551.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.012.870.364	8.322.272.306
Chi phí bằng tiền khác	7.629.420.955	3.850.952.937
Cộng	<u>58.548.565.090</u>	<u>50.023.708.366</u>
7. Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản cố định	27.646.754.639	-
Thu thanh lý TSCĐ	82.629.570.000	-
GTCL của TSCĐ thanh lý	(49.283.979.847)	-
Chi phí thanh lý TSCĐ	(5.698.835.514)	-
Thu tiền bồi thường	4.088.726.367	4.353.270.380
Xử lý công nợ thực tế không phải thanh toán	-	51.177.906
Thu nhập khác	10	100.975.422
Cộng	<u>31.735.481.016</u>	<u>4.505.423.708</u>
8. Chi phí khác		
Thuế bị phạt, bị truy thu	522.133.928	576.744.502
Xử lý khoản ký quỹ do chấm dứt hợp đồng	48.000.000	-
Chi phí khác	195.686	437.992.002
Cộng	<u>570.329.614</u>	<u>1.014.736.504</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.476.340.349	180.141.814.187
Chi phí nhân công	165.717.550.334	125.484.027.663
Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.304.210.599	180.851.923.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	412.344.393.654	246.887.088.657
Chi phí khác	31.582.639.422	56.166.233.703
Cộng	959.425.134.358	789.531.088.138

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài giao dịch và số dư công nợ với Ông Nguyễn Quốc Dũng – Phó Tổng Giám đốc đã được trình bày ở thuyết minh V.5, Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ nào khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Năm nay	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT (từ 27/2/2021)	-	-	297.000.000	297.000.000
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT (đến 27/2/2021)	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	247.500.000	247.500.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.071.000.000	514.000.000	198.000.000	1.783.000.000
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	441.600.000	102.200.000	-	543.800.000
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	469.200.000	157.775.000	-	626.975.000
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên BKS	196.813.636	134.800.000	-	331.613.636
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	615.000.000	328.025.000	-	943.025.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	615.000.000	328.025.000	-	943.025.000
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	552.000.000	324.500.000	-	876.500.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	524.400.000	348.925.000	-	873.325.000
Cộng		4.485.013.636	2.238.250.000	742.500.000	7.465.763.636

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Năm trước					
Ngô Trọng Phần	Chủ tịch HĐQT	-	-	600.000.000	600.000.000
Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	500.000.000	500.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	926.640.000	111.667.525	400.000.000	1.438.307.525
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	441.600.000	48.967.525	30.000.000	520.567.525
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	504.000.000	115.610.250	50.000.000	669.610.250
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên BKS	390.000.000	31.851.890	30.000.000	451.851.890
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	411.667.525	-	962.467.525
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	271.498.720	-	822.298.720
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	276.557.175	-	827.357.175
Cộng		3.914.640.000	1.267.820.610	950.000.000	6.792.460.610

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Tcots – Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	Công ty liên kết (từ ngày 29/11/2021)
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Petro Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Sử dụng dịch vụ	2.200.811.358	532.438.176
Chia cổ tức	21.503.160.000	21.503.160.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp:		
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	-	12.295.576
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	6.189.081.762	2.959.116.036
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	927.003.500	684.075.000
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	8.498.424.664	
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	11.995.270.330	8.869.971.885
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	11.100.000.000	7.920.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	313.636.364	-
Công ty TNHH MTV 128	-	204.522.093

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.13, V.14, V.16, V.17 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Toàn bộ hoạt động của Công ty là trong lĩnh vực kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê tàu vận tải, vận chuyển thực hiện dịch vụ ngoài khơi. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Thông tin về doanh thu và giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết HĐQT số 07/2022/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị đã thông qua việc tạm ứng 25% cổ tức năm 2021 bằng tiền cho các cổ đông, dự kiến thực hiện ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc